

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2019/DS-ST**  
Ngày: 12-8-2019  
v/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thái

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Bình;
2. Ông Nguyễn Văn Thiện.

***-Thư ký phiên tòa:*** Nguyễn Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hải Lĩnh- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2019/TLST- DS, ngày 16/4/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2019/QĐXXST-DS ngày 4/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2019/QĐST-DS ngày 23/7/2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Xuân T**, sinh năm 1991. Có mặt;

Trú tại: Số 33 đường 24, tổ 2, thôn 4, xã ĐK, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà **Đinh Thị D**, sinh năm 1980, có mặt;

Trú tại: Số 70 đường 4, thôn 5, xã SN, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông **Nguyễn Văn Việt S**, sinh năm 1984. Có mặt.

Trú tại: Số 33 đường 24, tổ 2, thôn 4, xã ĐK, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

+ Ông **Phạm Q**, sinh năm 1976. Vắng mặt

Trú tại: Số 70 đường 4, thôn 5, xã SN, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2019, bản khai, tại phiên hòa hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Xuân T trình bày: Giữa vợ chồng bà Lê Thị Xuân T và vợ chồng bà Đinh Thị D không có quan hệ bà con gì, chỉ biết bà D còn ông Phạm Q chồng bà D thì không biết. Ngày 8/8/2018 âm lịch bà D có vay của bà T số tiền 30.000.000 đồng, khi vay bà D nói là để lo cho con bị tai nạn; thời hạn vay là 01 tuần sẽ trả; bà T đồng ý vào giao tiền cho bà D tại nhà của bà Nguyễn Thị B ở thôn 3, xã SN; khi vay không viết giấy. Qua một tuần bà D không trả tiền cho bà T, nên bà T yêu cầu bà D viết giấy nợ. Bà T viết giấy nợ đề ngày 8/8/2018 âm lịch và hẹn trả ngày 28/11/2019 âm lịch trả. Sau đó đòi nhiều lần, thì bà D viết giấy nợ khác cũng đề ngày 8/8/2018 và hẹn ngày 28/11/2018 trả. Đến hạn bà D cũng không trả, nên bà D viết lại nợ đề ngày 28/11 âm lịch (năm 2018) và hẹn đến 28/12/2018 âm lịch trả. Tuy nhiên đến nay bà D cũng không trả. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Từ ngày vay đến nay bà D chưa trả gốc, lãi cho bà T. Khi vay ông Q chồng bà T không biết. Đến khi bà T đến nhà đòi nợ, thì ông Q nói là số nợ này ông không hề biết, vì bà D nợ của rất nhiều người. Nay bà T yêu cầu vợ chồng bà D, ông Q trả nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi mức 10%/năm, từ ngày vay 8/8/2018 âm lịch cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là 03 Giấy xác nhận mượn tiền có chữ ký của Đinh Thị D.

Bị đơn Đinh Thị D tại phiên tòa trình bày: Bà Đinh Thị D có vay của bà Lê Thị Xuân T số tiền 30.000.000 đồng, khi vay thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, về thời

hạn trả bà T nói khi nào trả cũng được. Mục đích vay để mua bán xe. Việc vay tiền của bà T, chồng bà D không biết, vì từ cuối năm 2017 vợ chồng bà D sống ly thân, phần ai người đó lo, không còn làm chung với nhau, bà D đi làm thuê và ở nơi khác, nên ông Q chồng D không liên quan đến số tiền này. Do không có tiền trả nên bà D viết đến 03 lần giấy vay tiền. Từ khi vay cho đến nay bà D chưa trả tiền gì cho bà T. Nay bà D chấp nhận trả nợ theo yêu cầu của bà T.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Viết S: Thống nhất theo ý kiến của bà T.

-Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 4/7/2019, ông Phạm Q khai rằng: Ông Q không hề hay biết về khoản nợ với bà T và ông S, khoản nợ này bà D vợ ông Q mượn để đi đánh bạc. Vì lý do bà D nợ của nhiều người, nợ không rõ ràng, nên ông Q không biết và cũng không đồng ý trả nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Phần thủ tục Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự tuân thủ đúng quy định.

Về nội dung: Chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa này các bên thống nhất bà D vay của bà T 30.000.000 đồng lãi suất 3%/tháng. Việc vay tài sản này chồng bà D không biết. Từ đó áp dụng Điều 463, 466 buộc bà D trả nợ theo yêu cầu của bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Q mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vắng mặt ông Q.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Việc xác lập

giao dịch dân sự của hai bên vào năm 2018, nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Đinh Thị D phải trả số tiền vay 30.000.000 đồng là đầy đủ chứng cứ. Vì nguyên đơn có cung cấp các giấy nhận nợ do bà Đinh Thị D ghi và ký tên, trong các giấy này đều thể hiện bà D có vay của bà T số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu cả ông Phạm Q chồng bà D phải đới trả nợ là chưa đủ chứng cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, bởi những lý do: Trong các giấy mượn tiền không có tên ông Q, khi bà D vay tiền của bà T, thì ông Q cũng không biết, không nêu rõ mục đích mượn tiền để là gì, bà T cũng không chứng minh việc bà D sử dụng tiền vay vào mục đích cho gia đình, hơn nữa ông Q không chấp nhận cùng trả số nợ này, ông Q cho rằng bà D vay tiền là để đánh bạc, hiện tại bà D còn nợ của nhiều người. Việc bà T khai khi mượn tiền bà D nói là để lo cho con bị tai nạn giao thông, nhưng qua xác minh và lời khai của ông Q, bà D là con bà D có bị tai nạn giao thông, nhưng bị trước năm 2018 và chỉ bị nhẹ, con ông Q bà D tự lo chi phí điều trị, chứ không cần cha mẹ. Còn bà D là từ cuối năm 2017 bà D và ông Q đã sống ly thân và không còn làm ăn chung với nhau. Do đó cũng không có căn cứ buộc ông Q liên đới trả nợ cho bà T.

[4] Về tiền lãi bà T yêu cầu tính lãi 10%/năm theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định: Bà T khai là khi vay hai bên có thỏa lãi suất 3%/tháng, nhưng không ghi vào giấy vay; tuy nhiên, tại phiên tòa bà D thừa nhận khi vay có thỏa thuận trả lãi, nên chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà T, ông S với mức 10%/năm, tính từ ngày vay đến nay (12/8/2019) là hợp lý. Cụ thể tiền lãi từ ngày vay 8/8/2018 âm lịch nhằm ngày 17/9/2018 dương lịch đến nay 10 tháng 25 ngày:

$30.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times (10/12 + 25/30/12) = 2.708.000 \text{ đồng}$  (đã làm tròn số).

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật..

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Đinh Thị D phải trả cho bà Lê Thị Xuân T và ông Nguyễn Văn Việt S số tiền 32.708.000 đồng, gồm tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 2.708.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong án, bà Đinh Thị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 201.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị D phải chịu 1.635.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Lê Thị Xuân T 797.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025263 ngày 16/4/2019.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 12/8/2019. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

***Nơi nhận:***

VKSND huyện;  
-THADS huyện;  
-Các đương sự;  
-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TÂM  
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Thái**